

Bản án số: 327/2022/DS-PT

Ngày: 23- 5 - 2022

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất;
yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Minh Thịnh

Ông Trần Xuân Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 629/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 414/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 4 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1- Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1968 (vắng mặt)

2- Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1977 (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Văn C: bà Lê Thị Đ, sinh năm 1977, là người đại diện theo ủy quyền (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 09/4/2018), (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C, bà Đ: Ông Lôi Văn Đức, Luật sư Văn phòng luật sư Hùng Đức, thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:*

Bà Huỳnh Thị Cẩm H, sinh năm 1950 (đã chết ngày 25/02/2019).

Nơi cư trú: khóm A, thị trấn B, huyện C, tỉnh An Giang.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Huỳnh Thị Cẩm H:

+ Bà Huỳnh Đăng P, sinh năm 1993; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1925; (chết sau khi xét xử sơ thẩm)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị S:

1- Bà Huỳnh Thị T,

Địa chỉ: tổ A, khóm B, thị trấn C, huyện D, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2- Ông Huỳnh Văn B,

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang

3- Bà Huỳnh Thị Ngọc V

Địa chỉ: tổ A, khóm B, thị trấn C, huyện D, tỉnh An Giang

Người đại diện hợp pháp của bà Vân: Bà Huỳnh Đăng P (vắng mặt).

4- Ông Huỳnh Văn C (vắng mặt).

5- Ông Huỳnh Văn K. (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ A, khóm B, thị trấn C, huyện D, tỉnh An Giang

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Trụ sở: khóm Xuân Hòa, thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Q – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên. (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Thành – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tịnh Biên và ông Nguyễn Thành Bảo – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hưng, theo Giấy ủy quyền số 1841/UQ-UBND ngày 18/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên, (ông Thành và ông Bảo vắng mặt) .

Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn C, bà Lê Thị Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2018 và lời trình bày trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Đ, đồng thời là người đại diện ủy quyền của ông Huỳnh Văn C trình bày:

Ông Huỳnh Văn C có khai hoang phần đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Đến năm 1992, ông được UBND huyện Tịnh Biên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00413 QSDĐ/fK ngày 02/11/1992, diện tích 10.771m², tờ bản đồ số 02, gồm 04 thửa:

- Thửa 6936, diện tích 5.604m²;

- Thửa 6927, diện tích 2.104m²;
- Thửa 6928, diện tích 1.781m²;
- Thửa 6929, diện tích 1.282m².

Trong diện tích trên, ông C canh tác hơn 5.000m²; còn lại cha ông là Huỳnh Văn Bia mượn canh tác hơn 5.000m², về thời gian ông Bia mượn đất bà Đ không nhớ.

Năm 2007, mẹ ruột ông C là bà Nguyễn Thị Sáu mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C để vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Tịnh Biên. Năm 2008, sau khi giải chấp mẹ ông C trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C giữ đến nay.

Sau này ông C đến Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên hợp đồng đo đạc phục hồi ranh đất, nhưng Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên thông báo 04 thửa đất của ông C nói trên trở thành 08 thửa mang tên người khác nên không thể phục hồi được, trong đó có:

Thửa 6923 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 347/fK cấp ngày 10/9/2004, không ghi diện tích (nhưng hồ sơ không chế đo vẽ chi tiết ghi là 5.087m² - tài liệu này do Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh Tịnh Biên cung cấp khi vợ chồng ông bà hợp đồng đo đạc lại phần đất đã được cấp giấy năm 2016: chỉ bản photo không ghi ngày tháng năm và không ai xác nhận) cấp cho Huỳnh Thị Cẩm H (chị ruột ông C). Phần đất này bà H đang canh tác, vợ chồng ông bà đòi bà H không trả.

Do đó ông C bà Đ đã khởi kiện yêu cầu:

1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 347/fK cấp ngày 02/11/1992, diện tích 5.087m², thửa số 6923, đứng tên Huỳnh Thị Cẩm H.
2. Buộc bà Huỳnh Thị Cẩm H phải trả cho ông, bà 5.087m² đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.
3. Đồng thời yêu cầu bà H phải bồi thường cho ông, bà 10.000.000 đồng/1 năm/5.087m², tính từ năm 2017 đến đến ngày xét xử vụ án.

Nay qua đo đạc hiện trạng tranh chấp và căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00347/QSDĐ/fK do UBND huyện Tịnh Biên cấp ngày 02/11/1992 cho bà Huỳnh Thị Cẩm H, thửa 6923 có diện tích 1.171m², còn tổng diện tích bà H được cấp theo giấy chứng nhận là 5.871m². Nhưng bà Đ xác định vợ chồng bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H và buộc bà H trả lại đất có diện tích 5.087m² cũng như bồi thường thiệt hại như đã có yêu cầu tại đơn khởi kiện.

Đối với việc bản trích đo địa chính ngày 26/5/2020 do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập (theo sự chỉ dẫn đo đạc của bà Lê Thị Đ) có thể hiện diện tích đo đạc hiện trạng bao gồm luôn cả phần diện tích đất của ông Huỳnh Văn Bia, bà Huỳnh Thị Nỉ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, bà Đ xác định bà không có tranh chấp yêu cầu gì đối với ông Bia và bà Nỉ trong vụ án này, bà chỉ tranh chấp với bà H, do không biết vị trí đất của bà và bà H trên thực tế nằm ở đâu nên đã chỉ hướng dẫn đo đạc cả khu vực đất bao gồm luôn phần đất của ông Bia và bà Nỉ.

Bà Đ xác định thời điểm ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1992 là bà chưa lập gia đình với ông C, đến năm 1997 bà mới kết hôn với ông C và khi chung sống với ông C thì vợ chồng cùng canh tác và cho ông Bia, cũng như bà Sáu mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C như trình bày trên. Việc đại diện Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến cho rằng đối với thửa đất 6936 của ông C có diện tích 5.604m² đã được Nhà nước thu hồi năm 1996 cho Công trình Tỉnh lộ 55A, hạng mục Tuyến phụ Kinh Trà Sư đã bồi hoàn xong thì bà xác định bà và ông C không có nhận tiền và căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C đã được cấp năm 1992 vẫn còn đủ 4 thửa đất nên bà Đ xác định vợ chồng bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà H, nay bà H chết thì yêu cầu Phương là con bà H phải có trách nhiệm trả đất và bồi thường thiệt hại diện tích 5.087m², thửa 6923 theo giấy của bà H, cũng như hủy giấy chứng nhận của bà H đã trình bày ở trên.

Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Huỳnh Thị Cẩm H – bà Huỳnh Đang Phương, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Sáu tại cấp sơ thẩm trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Bà không đồng ý vì: Nguồn gốc đất tranh chấp với nguyên đơn là của ông Huỳnh Văn Bia – cha ruột cho bà H từ năm 1992 và bà H đã canh tác đến năm 2018.

Vào tháng 02 năm 2016, bà Đ đến Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tịnh Biên hợp đồng đo đạc phần diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C và đã chỉ đo luôn phần diện tích của bà Huỳnh Thị Cẩm H và ông Huỳnh Văn Bia. Sau đó có kết quả đo đạc trả lời cho bà Đ biết, bà Đ cho rằng đất của bà nằm trong giấy của bà H nên đã tranh chấp với bà H.

Thực tế năm 1992, ông Bia có cho các con đất và đều có giấy riêng, ông C và bà H là chị em ruột. Phần diện tích đất của bà H không trùng với ông C, vì hai giấy đất đều cấp năm 1992, thửa đất khác nhau.

Phần diện tích đất của ông C thực tế không đúng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay là do nhà nước thu hồi cho công trình tỉnh lộ 955A, hạng mục tuyến kênh phụ kênh Trà Sư năm 1996, thửa đất 6936, diện tích 5.604m².

Do đó, việc bà H đã được UBND huyện Tịnh Biên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00347QSĐĐ/fK ngày 02/11/1992, diện tích 5.871m² là đúng quy định pháp luật. Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bà H trả lại diện tích đất 5.087m² của thửa 6923; bồi thường thiệt hại và yêu cầu hủy giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất của bà H với diện tích đất 5.087m² của thửa 6923, bị đơn không đồng ý; thực tế theo giấy thửa 6923 là 1.171 m² và hoàn toàn không trùng hay lấn chiếm gì đất của ông C là thửa 6936 như ông C, bà Đ khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên trình bày tại Công văn số 2927/UBND-NC ngày 15/6/2020 và Công văn số 3454/UBND-NC ngày 14/7/2020 với nội dung:

- Xác định năm 1992, ông Huỳnh Văn C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00413/fK ngày 02/11/1992 gồm 4 thửa 6927, 6928, 6929 và 6936 tổng diện tích là 10.771m². Căn cứ bản trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên phần diện tích thực tế của ông Huỳnh Văn C hiện nay gồm các thửa 6927, 6928, 6929, tổng diện tích là 5.333m², tăng so với diện tích cấp giấy trước đây là 166m².

Riêng thửa đất số 6936, diện tích 5604, ngoài thực địa không còn do sử dụng vào công trình tỉnh lộ 55A hạng mục tuyến phụ kênh Trà Sư trước đây đã được bồi hoàn cho ông C theo bản dự toán đền bù đất công trình tỉnh lộ 55A, hạng mục tuyến phụ kênh Trà Sư do UBND huyện phê duyệt ngày 26/4/1996 (kèm theo bản trích đo địa chính khu đất và các hồ sơ tài liệu liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Năm 1992, ông C được cấp 4 thửa với diện tích 10.771m². Đất cấp cho ông Huỳnh Văn C tại thời điểm ông C chưa có vợ.

Thời điểm 1996 nhà nước đã thu hồi toàn bộ thửa 6936 có diện tích 5.604m² có đền bù để thực hiện công trình tỉnh lộ 955A, hạng mục tuyến kênh phụ kênh Trà Sư năm 1996 (theo dự toán đền bù UBND huyện đã cung cấp cho Tòa án), người nhận tiền không rõ do giấy tờ đã lâu nên không cung cấp được chứng cứ, nhưng thời điểm đó không bắt buộc ông C phải là người nhận tiền. Việc bồi thường đã chi trả hoàn tất. Tuy nhiên, thời điểm thu hồi đất UBND huyện không có yêu cầu người dân nộp lại giấy chứng nhận để điều chỉnh giấy nên dẫn đến việc nay bà Đ cho rằng phần đất của ông C vẫn còn nguyên 04 thửa đất.

Thực tế ba thửa còn lại vẫn được ông C quản lý, sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không bị thu hồi để điều chỉnh, nên vẫn còn thể hiện diện tích đất là 10.771m² nhưng thực tế chỉ còn diện tích ba thửa còn lại. Do đó, không có việc diện tích đất của ông C bị mất hoặc bị trùng với bất cứ thửa đất nào khác. Việc ông C khởi kiện căn cứ vào trả lời của Văn phòng đăng ký đất huyện Tịnh Biên năm 2016 khi ký hợp đồng đo đạc lại diện tích đất là không đúng thực tế và tài liệu chứng cứ UBND huyện đã lưu giữ và cung cấp cho Tòa án.

Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H: Năm 1992 bà H được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoàn toàn không

trùng với đất của ông C và những người khác vì cấp cùng thời điểm năm 1992 với ông C; thực tế bà H vẫn quản lý canh tác phần đất kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H là đúng quy định pháp luật.

Tại bản án số 44/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

- Điều 166, Điều 170, Điều 584, 585 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn C và bà Lê Thị Đ về yêu cầu:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 347/fK do UBND huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang cấp ngày 02/11/1992, diện tích 5.087m², thửa số 6923, đứng tên Huỳnh Thị Cẩm H.

- Buộc bà Nguyễn Thị S và chị Huỳnh Đang P là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Huỳnh Thị Cẩm H phải trả cho ông Huỳnh Văn C, bà Lê Thị Đ diện tích 5.087m² đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Buộc bà Nguyễn Thị S và chị Huỳnh Đang P là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Huỳnh Thị Cẩm H phải bồi thường cho ông Huỳnh Văn C, bà Lê Thị Đ số tiền 10.000.000 đồng/1 năm/5.087m², tính từ năm 2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/10/2020, ông Huỳnh Văn C và bà Lê thị Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Gia đình bà Đ không nhận được quyết định thu hồi đất cũng như tiền bồi thường, trong giấy chứng nhận QSD đất của ông C không có thửa đất số 6923, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Luật sư Đức trình bày quan điểm bảo vệ cho Nguyên đơn: Gia đình bà Đ không nhận được quyết định thu hồi đất và tiền bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Cấp cấp phúc thẩm thực hiện đúng các quy định về tố tụng,

Về nội dung kháng cáo: Đất ông C và đất bà H đều được cấp giấy chứng nhận từ năm 1992, không cấp chồng lấn, đất ông C đã bị thu hồi diện tích 5.604m² nên hiện tại không thiếu đất. Đất bà H sử dụng từ năm 1992, không

phải của ông C. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]- Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 347/fK cấp ngày 02/11/1992, diện tích 5.087m², thửa số 6923, đứng tên Huỳnh Thị Cẩm H.

2. Buộc bà Huỳnh Thị Cẩm H phải trả cho ông, bà 5.087m² đất thuộc thửa 6923 tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Yêu cầu bà H phải bồi thường cho ông, bà 10.000.000 đồng/1 năm/5.087m², tính từ năm 2017 đến ngày xét xử vụ án.

Các nguyên đơn cho rằng ông C khai hoang diện tích 10.771m², năm 1992 ông C đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 00413 QSDĐ/fK ngày 02/11/1992, gồm 4 thửa: 6936; 6927; 6928; 6929 cùng tờ bản đồ số 2 xã Nhơn Hưng. Ông C canh tác 5.000m², còn lại 5.000m² cho ông B (là cha ông C) mượn. Sau này ông C yêu cầu Văn phòng đăng ký QSDĐ đo vẽ phục hồi ranh đất thì được biết đất ông C được tách thành 8 thửa mang tên người khác trong đó có thửa 6923 thuộc giấy chứng nhận QSDĐ số 347/fK cấp ngày 02/11/1992 diện tích 5.087m² cấp cho bà H.

[2]- Nguồn gốc đất tranh chấp diện tích 5.087m² là của ông Huỳnh Văn B, bà Nguyễn Thị S cho bà Huỳnh Thị Cẩm H vào năm 1992, sau khi được cho đất ngày 23/5/1992 bà H làm đơn kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện nguồn gốc đất do cha Nguyễn Văn B cho năm 1992 diện tích 5.871m² đến ngày 02/11/1992 bà H được UBND huyện Tịnh Biên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00347/QSDĐ/fK, diện tích 5.087m², tờ bản đồ số 02, thửa số 6785, 6923, 6937, 6939, 6938, đất tọa lạc tại xã A, huyện B và bà H quản lý, sử dụng đất từ đó đến năm 2018, trong đó thửa đất số 6923 diện tích là 1.171m². Hiện nay gia đình bà H vẫn đang sử dụng các thửa đất này.

[3]- Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn thì thấy:

Ông C, bà Đ chưa bao giờ sử dụng diện tích 5.087m², tờ bản đồ số 02, gồm các thửa số 6785, 6923, 6937, 6939, 6938 xã Nhơn Hưng mà diện tích đất này do gia đình bà H sử dụng từ trước năm 1992, đến ngày 02/11/1992 thì bà H được cấp giấy chứng nhận QSDĐ và sử dụng liên tục cho đến nay.

Các nguyên đơn trình bày ông C khai hoang được diện tích 10.771m², năm 1992 ông C đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 00413 QSDĐ/fK ngày 02/11/1992, gồm 4 thửa: 6936; 6927; 6928; 6929 cùng tờ bản đồ số 2 xã Nhơn Hưng. Như vậy, theo giấy chứng nhận QSDĐ của các nguyên đơn thì các

nguyên đơn không có quyền sử dụng thửa 6923 và thửa 6923 cũng không có diện tích 5.087m² như đơn khởi kiện.

Mặt khác, theo trình bày của UBND huyện Tịnh Biên thì thửa 6936 diện tích 6.604m² của ông C đã bị thu hồi toàn bộ để làm công trình tỉnh lộ 55A. 3 thửa đất còn lại diện tích 5.333m² ông C vẫn đang sử dụng. Như vậy, ông C không thiếu đất theo giấy chứng nhận QSDĐ.

[4]- Từ đó, có đủ căn cứ kết luận diện tích 5.087m², tờ bản đồ số 02, gồm các thửa số 6785, 6923, 6937, 6939, 6938 xã Nhơn Hưng thuộc quyền sử dụng của bà H. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ.

Ông C, bà Đ kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Ông C, bà Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn C và bà Lê Thị Đ; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 44/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang như sau:

- Khoản 5 Điều 166 Luật đất đai 2013, Điều 166, Điều 170, Điều 584, 585 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn C và bà Lê Thị Đ về các yêu cầu:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 347/fK do UBND huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang cấp ngày 02/11/1992, diện tích 5.087m², thửa số 6923, đứng tên Huỳnh Thị Cẩm H.

- Buộc bà Nguyễn Thị S và chị Huỳnh Đang P là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Huỳnh Thị Cẩm H phải trả cho ông Huỳnh Văn C, bà Lê Thị Đ diện tích 5.087m² đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Buộc bà Nguyễn Thị S và chị Huỳnh Đang P là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Huỳnh Thị Cẩm H phải bồi thường cho ông Huỳnh Văn C, bà Lê Thị Đ số tiền 10.000.000 đồng/1năm/5.087m², tính từ năm 2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Văn C và bà Lê Thị Đ phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản tổng cộng là 6.536.786 đồng (sáu triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng), đã nộp đủ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn C và bà Lê Thị Đ phải chịu số tiền 1.800.000 đồng (một triệu, tám trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0007260 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang ngày 02/4/2018. Ông C và bà Đ phải nộp thêm 1.250.000 đồng (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông C và bà Đ mỗi người phải nộp 300.000đ nhưng được khấu 600.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu tiền số 5752, 5751 cùng ngày 02/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ (1), VP(3) (07);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hùng